TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh N.P.T,** sinh năm 1982; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: số 29 H, phường H, quận H, Thành phố H.

- **Chị C.B.N,** sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 12, ngõ 113, phố T, phường T, quận Đ, Thành phố H.

Chỗ ở: 905 M3, chung cư số 1 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận n, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C.B.N và anh N.P.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 4 năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân phường H, Thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, tuy vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị C.B.N và anh N.P.T có hai con chung là cháu N.C.B.N(nữ), sinh ngày 16/9/2006 và cháu N.P.H(nam), sinh ngày 24/10/2008. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị C.B.N và anh N.P.T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị C.B.N và anh N.P.T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị C.B.N tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị C.B.N và anh N.P.T.

- Về con chung: Chị C.B.N và anh N.P.T có hai con chung là cháu N.C.B.N (nữ), sinh ngày 16/9/2006 và cháu N.P.H (nam), sinh ngày 24/10/2008. Ly hôn, giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh N.P.T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị C.B.N và anh N.P.T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị C.B.N và anh N.P.T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị C.B.N tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009745 ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đ.T.K.M